

Bản án số: **53/2020/DS-ST**

Ngày: 31/7/2020.

V/v Tranh chấp Hợp đồng tín dụng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 4 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Tấn Phát

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Đông Nguyệt

2. Bà Võ Thanh Nga

Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Mỹ Chi - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Lý - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 364/2019/TLST-DS, ngày 02/12/2019 về việc “Tranh chấp Hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 181/2020/QĐST-DS ngày 04/6/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 252/2020/QĐST-DS ngày 03/7/2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần A (viết tắt là Ngân hàng TMCP A).

Trụ sở: Đường D, Phường E, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Bích Thanh C, sinh năm 1980.

Địa chỉ liên lạc: Đường D, Phường E, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Văn bản ủy quyền số 724/2020/UQ-TTT ngày 02/6/2020).

(có mặt).

Bị đơn: Ông Vũ B, sinh năm 1972.

Nơi cư trú: Chung cư G, Đường H, Phường I, Quận J, Thành phố Hồ Chí Minh.

(vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Ngân hàng TMCP A có bà Nguyễn Bích Thanh C là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 02/6/2016, ông B có ký với Ngân hàng TMCP A hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng - các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 45.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi suất 2,15%/tháng. Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, ông B đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 76.704.600 đồng.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ cho đến nay ông B đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 62.993.400 đồng. Từ tháng 4/2018, ông B không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông B vẫn không có thiện chí trả nợ. Do ông B vi phạm nghĩa vụ thanh toán, nên ngày 01/7/2018 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ tại thời điểm này là 42.024.031 đồng, áp dụng lãi suất nợ quá hạn (là 150% của lãi suất được công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại).

Mặc dù ngân hàng đã thường xuyên đôn đốc, nhiều lần làm việc trực tiếp với ông B, yêu cầu ông B có trách nhiệm thanh toán ngay khoản nợ quá hạn, đồng thời Ngân hàng cũng tạo điều kiện về mặt thời gian để ông B trả nợ, tuy nhiên ông B vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã quy định tại Hợp đồng đã ký.

Nay Ngân hàng yêu cầu ông Vũ B trả ngay cho Ngân hàng toàn bộ nợ gốc và nợ lãi phát sinh tạm tính đến ngày 02/6/2020 là 73.782.759 đồng (trong đó nợ gốc là 42.024.031 đồng và nợ lãi là 31.758.728 đồng), tiếp tục thanh toán nợ lãi phát sinh kể từ ngày 03/6/2020 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng.

Bị đơn ông Vũ B: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập và Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho ông B, để ông B thực hiện việc tham gia tố tụng tại Tòa án, nhưng ông B vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa,

Ngân hàng TMCP A có bà Nguyễn Bích Thanh C là người đại diện theo ủy quyền trình bày: Vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, buộc ông Vũ B trả ngay cho Ngân hàng toàn bộ nợ gốc và nợ lãi phát sinh tạm tính đến ngày 31/7/2020 là 76.448.143 đồng (trong đó nợ gốc là 42.024.031 đồng và nợ lãi là 34.424.112 đồng), tiếp tục thanh toán nợ lãi phát sinh kể từ ngày 01/8/2020 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Bị đơn ông Vũ B đã được Tòa án triệu tập họp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ hai, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Qua kiểm sát việc tuân theo pháp luật tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Do ông Vũ B vi phạm nghĩa vụ trả nợ, không thực hiện theo đúng thỏa thuận, nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

- Quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Xét Ngân hàng TMCP A khởi kiện yêu cầu ông Vũ B thanh toán số tiền nợ là 76.448.143 đồng theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng tín dụng, nên có đủ cơ sở xác định đây là vụ án dân sự về tranh chấp hợp đồng tín dụng; Ông Vũ B có nơi cư trú tại Quận 4, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Thủ tục mở phiên tòa vắng mặt đương sự: Bị đơn là ông Vũ B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, nên căn cứ khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Ngân hàng TMCP A yêu cầu ông Vũ B thanh toán toàn bộ nợ gốc và nợ lãi phát sinh tạm tính đến ngày 31/7/2020 là 76.448.143 đồng (trong đó nợ gốc là 42.024.031 đồng và nợ lãi là 34.424.112 đồng), tiếp tục thanh toán nợ lãi phát sinh kể từ ngày 01/8/2020 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Hội đồng xét xử căn cứ vào Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng ngày 02/6/2016 và Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP A cùng các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở xác định Ngân hàng TMCP A cấp thẻ tín dụng với hạn mức là 45.000.000 đồng, lãi suất 2,15%/tháng. Xét việc thỏa thuận của các bên là phù hợp theo quy định tại Điều 91 và Điều 98 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010, nên yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở để xem xét.

Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông B đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 76.704.600 đồng. Ông B đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền gốc và lãi là 62.993.400 đồng. Từ tháng 4/2018, ông B không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Mặc dù, Ngân hàng đã nhắc nhở nhưng ông B vẫn không trả nợ. Như vậy, ông B đã vi phạm Điều 23 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng.

Do ông B vi phạm nghĩa vụ thanh toán, nên ngày 01/07/2018 Ngân hàng đã chấm dứt việc sử dụng thẻ, chuyển toàn bộ dư nợ sang nợ quá hạn và áp dụng lãi

suất quá hạn là phù hợp theo thỏa thuận các bên tại Điều 23 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng. Cho nên, Ngân hàng yêu cầu ông B thanh toán nợ tạm tính đến ngày 31/7/2020 là 76.448.143 đồng (trong đó nợ gốc là 42.024.031 đồng và nợ lãi là 34.424.112 đồng), tiếp tục thanh toán nợ lãi phát sinh kể từ ngày 01/8/2020 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 91 và Điều 98 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 463 và Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Vũ B thanh toán cho Ngân hàng TMCP A số tiền nợ tạm tính đến ngày 31/7/2020 là 76.448.143 đồng (trong đó nợ gốc là 42.024.031 đồng và nợ lãi là 34.424.112 đồng), tiếp tục thanh toán nợ lãi phát sinh kể từ ngày 01/8/2020 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng.

[2.2]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch trên số tiền phải thanh toán cho nguyên đơn; Hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý về sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 463, Điều 466 và Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 91 và Điều 98 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010;

- Căn cứ vào Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý về sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần A.

Buộc ông Vũ B thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần A số tiền nợ tạm tính đến ngày 31/7/2020 là 76.448.143 (bảy mươi sáu triệu bốn trăm bốn mươi tám nghìn một trăm bốn mươi ba) đồng (trong đó nợ gốc là 42.024.031 đồng và nợ lãi là 34.424.112 đồng).

Kể từ ngày 01/8/2020 cho đến khi thi hành án xong, ông Vũ B còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Giấy đề nghị cấp thẻ kiêm hợp đồng tín dụng; Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng được ký kết giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần A và ông Vũ B.

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Vũ B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 3.822.407 đồng (ba triệu tám trăm hai mươi hai nghìn bốn trăm lẻ bảy) đồng.

- Hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí là 1.474.126 đồng (một triệu bốn trăm bảy mươi bốn nghìn một trăm hai mươi sáu) đồng cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần A đã nộp theo biên lai số 0007950 ngày 05/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 1.

3. Về quyền kháng cáo của các đương sự: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND TP. HCM;
- VKSND Quận 4;
- Chi cục THADS Quận 4;
- Lưu: Vp, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(đã ký tên và đóng dấu)

Huỳnh Tấn Phát